

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Nguyễn Kim Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1153/2020/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 29/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Giáp Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố N, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ tạm trú: Số 19 đường NB4A, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoài P, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố N, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ tạm trú: Số 19 đường NB4A, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong Đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Giáp Thị L trình bày:*

Bà L và ông P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81/2013, quyển số 01/2013 ngày 22/7/2013. Hôn nhân giữa hai người là tự

nguyên. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông P vô cớ kiểm chuyện, chửi mắng, xúc phạm bà L, ông P còn uống rượu, đánh bạc, không phụ giúp gia đình về mặt kinh tế. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, trong lúc cãi nhau, ông P đã đánh bà L nhiều lần. Bà L nhiều lần chịu đựng và khuyên ông P nhưng ông không thay đổi. Vì không thể chịu đựng được nữa nên tháng 9/2020, bà L đã dọn ra ngoài sống riêng, ly thân với ông P. Cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng không còn hạnh phúc, bà L không còn tình cảm với ông P, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hoài P.

Về con chung: Bà Giáp Thị L và ông Trần Hoài P có 01 con chung tên Trần Hoàng V, sinh ngày 27/02/2013. Quá trình vợ chồng không sống chung với nhau, con chung do ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, bà L đồng ý giao con chung cho ông P nuôi và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn ông Trần Hoài P*: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông P không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Ông P không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

\* *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số 19 đường NB4A, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã

Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[4] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Giáp Thị L và bị đơn ông Trần Hoài P trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81/2013, quyển số 01/2013 ngày 22/7/2013. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn xác định giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Hai vợ chồng không ai quan tâm chăm sóc cho ai, mỗi người có cuộc sống riêng. Hiện tại, nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông P vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, xem như bị đơn từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc. Nguyên đơn xác định vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn. Bị đơn không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên: Trần Hoàng V, sinh ngày 27/02/2013. Nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét cháu V đang sống cùng bị đơn, cuộc sống đã ổn định. Đồng thời, cháu V cũng có nguyện vọng được sống cùng bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao

con chung tên: Trần Hoàng V, sinh ngày 27/02/2013 cho bị đơn được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyên đơn có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con chung và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên đối với việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Giáp Thị L không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giáp Thị L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Trần Hoài P.

- Về hôn nhân: Bà Giáp Thị L được ly hôn với ông Trần Hoài P.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hoàng V, sinh ngày 27/02/2013 cho ông Trần Hoài P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Giáp Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Giáp Thị L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà L thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Giáp Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054060 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Hoàng An**